

TỔNG CỤC THỐNG KÊ  
CỤC THU THẬP DỮ LIỆU VÀ  
ỨNG DỤNG CNTT THỐNG KÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTDL-TKĐT

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2024

V/v hướng dẫn sử dụng các loại thẻ  
sử dụng trong điều tra thống kê

Kính gửi: .....

Thực hiện Kế hoạch điều tra thống kê hằng năm của Tổng cục Thống kê, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Cục TTDL) đã phối hợp với Nhà Xuất bản Thống kê phát hành các mẫu thẻ sử dụng trong các cuộc điều tra thống kê do ngành Thống kê tổ chức bao gồm: Thẻ Điều tra viên thống kê; thẻ Tổ trưởng điều tra thống kê; thẻ Giám sát viên thống kê.

Cục TTDL hướng dẫn sử dụng và quản lý các loại thẻ như sau:

### 1. Đối tượng sử dụng

- Thẻ Điều tra viên thống kê: Sử dụng cho Điều tra viên thống kê trong công tác thu thập thông tin bằng hình thức phỏng vấn trực tiếp tại các đơn vị điều tra.

- Thẻ Tổ trưởng điều tra thống kê: Sử dụng cho Tổ trưởng điều tra thống kê trong công tác tổ chức triển khai thu thập và thu thập thông tin tại các đơn vị điều tra đối với các cuộc điều tra có quy định tuyển dụng Tổ trưởng điều tra.

- Thẻ Giám sát viên thống kê: Sử dụng trong công tác đôn đốc, giám sát, nghiệm thu các cuộc điều tra thống kê. Giám sát viên thống kê bao gồm: công chức, viên chức, người lao động thuộc ngành Thống kê và các đơn vị liên quan thuộc các Bộ, ngành, địa phương, cá nhân được cơ quan thống kê trung tập, tuyển dụng để thực hiện nhiệm vụ giám sát các cuộc điều tra thống kê.

### 2. Quản lý và sử dụng thẻ

#### 2.1. Thẻ Điều tra viên thống kê

Số lượng thẻ Điều tra viên của mỗi Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Cục Thống kê) bằng số lượng Điều tra viên của cuộc Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 và 10% dự phòng.

Cục Thống kê quy định và tổ chức thực hiện việc quản lý, phân phối và thu hồi thẻ đối với từng cuộc điều tra.

#### 2.2. Thẻ Tổ trưởng điều tra thống kê

Số lượng thẻ Tổ trưởng của mỗi Cục Thống kê bằng số lượng Tổ trưởng của cuộc Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc

thiếu số năm 2024 và 10% dự phòng; đối với các tỉnh không thực hiện cuộc điều tra này, số lượng thẻ Tổ trưởng bằng số lượng đơn vị hành chính cấp huyện và 10% dự phòng.

Cục Thống kê quy định và tổ chức thực hiện việc quản lý, phân phối và thu hồi thẻ đối với từng cuộc điều tra.

### **2.3. Thẻ Giám sát viên thống kê**

- *Giám sát viên thống kê cấp trung ương*: Cục TTDL thực hiện quản lý, phân phối, thu hồi thẻ đối với từng cuộc điều tra.

- *Giám sát viên thống kê cấp tỉnh, cấp huyện*: Số lượng thẻ Giám sát viên bằng số công chức thống kê và người lao động cấp huyện, 60% công chức thống kê và người lao động cấp tỉnh và 10% dự phòng.

Cục Thống kê chỉ đạo, thực hiện việc phát thẻ cho Giám sát viên cấp tỉnh và Giám sát viên cấp huyện và phân công quản lý để sử dụng cho các cuộc điều tra tiếp theo của ngành Thống kê.

*Số lượng các loại thẻ gửi kèm Công văn.*

Cục TTDL kính gửi các đơn vị để thông nhất triển khai./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục (để biết);
- Lưu: VT, TKĐT.

**CỤC TRƯỞNG**

**Vũ Thị Thu Thủy**

## SỐ LƯỢNG CÁC LOẠI THẺ

STT	Cục Thống kê	Thẻ Tổ trưởng	Thẻ Điều tra viên	Thẻ Giám sát viên
01	Thành phố Hà Nội	30	1155	230
02	Tỉnh Hà Giang	211	216	65
04	Tỉnh Cao Bằng	217	208	78
06	Tỉnh Bắc Kạn	134	129	54
08	Tỉnh Tuyên Quang	139	176	49
10	Tỉnh Lào Cai	165	189	58
11	Tỉnh Điện Biên	140	165	60
12	Tỉnh Lai Châu	117	131	55
14	Tỉnh Sơn La	223	265	71
15	Tỉnh Yên Bái	152	223	64
17	Tỉnh Hoà Bình	221	242	62
19	Tỉnh Thái Nguyên	130	248	58
20	Tỉnh Lạng Sơn	200	200	60
22	Tỉnh Quảng Ninh	79	276	83
24	Tỉnh Bắc Giang	86	307	62
25	Tỉnh Phú Thọ	70	400	75
26	Tỉnh Vĩnh Phúc	15	215	60
27	Tỉnh Bắc Ninh	9	227	55
30	Tỉnh Hải Dương	13	355	79
31	Thành phố Hải Phòng	17	365	99
33	Tỉnh Hưng Yên	11	251	65
34	Tỉnh Thái Bình	9	331	67
35	Tỉnh Hà Nam	7	185	48
36	Tỉnh Nam Định	11	320	70
37	Tỉnh Ninh Bình	9	204	57
38	Tỉnh Thanh Hoá	207	751	160
40	Tỉnh Nghệ An	158	591	123
42	Tỉnh Hà Tĩnh	14	324	75
44	Tỉnh Quảng Bình	17	209	56
45	Tỉnh Quảng Trị	42	177	63
46	Tỉnh Thừa Thiên Huế	31	225	54
48	Thành phố Đà Nẵng	9	158	53

<b>STT</b>	<b>Cục Thống kê</b>	<b>Thẻ Tổ trưởng</b>	<b>Thẻ Điều tra viên</b>	<b>Thẻ Giám sát viên</b>
49	Tỉnh Quảng Nam	77	405	99
51	Tỉnh Quảng Ngãi	75	278	84
52	Tỉnh Bình Định	31	275	66
54	Tỉnh Phú Yên	32	203	56
56	Tỉnh Khánh Hoà	36	207	57
58	Tỉnh Ninh Thuận	37	132	48
60	Tỉnh Bình Thuận	45	227	60
62	Tỉnh Kon Tum	105	154	55
64	Tỉnh Gia Lai	112	260	70
66	Tỉnh Đắk Lắk	156	342	86
67	Tỉnh Đắk Nông	70	139	56
68	Tỉnh Lâm Đồng	108	258	66
70	Tỉnh Bình Phước	88	217	65
72	Tỉnh Tây Ninh	19	205	42
74	Tỉnh Bình Dương	24	237	48
75	Tỉnh Đồng Nai	68	881	65
77	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	21	179	47
79	Thành phố Hồ Chí Minh	85	818	150
80	Tỉnh Long An	14	330	76
82	Tỉnh Tiền Giang	12	300	64
83	Tỉnh Bến Tre	10	257	56
84	Tỉnh Trà Vinh	70	205	54
86	Tỉnh Vĩnh Long	12	203	51
87	Tỉnh Đồng Tháp	13	295	63
89	Tỉnh An Giang	35	305	68
91	Tỉnh Kiên Giang	75	303	81
92	Thành phố Cần Thơ	14	195	59
93	Tỉnh Hậu Giang	15	162	47
94	Tỉnh Sóc Trăng	75	234	57
95	Tỉnh Bạc Liêu	33	152	50
96	Tỉnh Cà Mau	15	207	58

## DANH SÁCH ĐƠN VỊ GỬI CÔNG VĂN

TT	Đơn vị
<b>I</b>	<b>Các đơn vị thuộc Tổng cục</b>
1	Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê
2	Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê
3	Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia
4	Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản
5	Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng
6	Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ
7	Vụ Thống kê Giá
8	Vụ Thống kê Dân số và Lao động
9	Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường
10	Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế
11	Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê
12	Văn phòng Tổng cục
13	Vụ Kế hoạch Tài chính
14	Vụ Tổ chức Cán bộ
<b>II</b>	<b>63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương</b>